

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2018/HS-ST
Ngày 15/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Ngô Thị Thanh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị T và bà Lò Thị Ly S
- *Thư ký phiên toà:* Ông **Lâu Văn C** , Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*
Ông: Hà Văn C - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HS ngày 02/11/2018 đối với bị cáo:

Hà Văn L . Sinh năm: 1995 tại Bản Đoàn Kết, xã Tén Tán, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân Tộc: KơMú; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 5/12.

Con ông: Hà Văn Ch ; sinh năm 1972 và bà: Lương Thị S sinh năm 1976. Vợ: Lò Thị Hsinh năm: 1986 đang đi lao động xuất khẩu ở Ả Rập Sê Út; Có hai con là: Hà Quốc A sinh năm 2012 và Hà Thị Asinh năm 2013.

Tiền án; Tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2018. Có mặt.

Người có QL&NV liên quan: Lộc Văn H , sinh năm: 1996. **Vắng** mặt

Trú tại: Bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông: Hà Văn K , trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 03/7/2018 bị cáo đi từ nhà chị Lò Thị L , sinh năm 1987 ở bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đến khu vực cột mốc Quốc giới 311 thuộc bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát và đi bộ sang bản Na Hàm - Lào, bị cáo gặp một người đàn ông dân tộc Thái người Lào hỏi mua heroin. Hai bên nói chuyện, thỏa thuận xong, bị cáo mua heroin với số tiền 7.500.000 (*bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng, nhằm mục đích đem về sử dụng. Mua được heroin bị cáo quay về nhà L và cất giấu số ma túy mua được vào bên trong chiếc loa màu đen. Đến khoảng 22 giờ 50 phút ngày 07/7/2018, bị cáo mang theo chiếc loa này điều khiển chiếc xe máy biển kiểm soát 36N-3533 loại xe SYM Angel II (bị cáo mượn của anh H ở bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát) đi từ nhà của Lượng đến xã Nhi Sơn. Khi đến khu vực gần nhà anh Sùng A Dế sinh năm 1985 ở bản Táo, bị cáo dừng lại và để xe ở bên cạnh đường rồi đi bộ ngược lại thì bị lực lượng Công an huyện Mường Lát kiểm tra, phát hiện và thu giữ toàn bộ số heroin bị cáo giấu trước đó.

Tại bản Kết luận giám định số: 1479/MT-PC54 ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

Cục bột màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 46,481g (Bốn sáu phẩy bốn tám một gam) loại: Heroin

Bản cáo trạng số 41/CT-VKS-ML ngày 15/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 điều 249 BLHS năm 2015.

Lời luận tội của đại diện VKS tham gia phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố như đã nêu trong bản Cáo trạng, đề nghị HĐXX:

- + Về tội danh: Tuyên bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”
- + Về điều luật: Áp dụng: Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm b khoản 3 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- + Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo: Từ **10 (Mười)** năm **06 (Sáu)** tháng đến **11 (Mười một)** năm tù giam.
- + Hình phạt bổ sung: Bị cáo hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, không có tính thực thi nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.
- + Về vật chứng: Căn cứ điều 106 BLTTHS, tuyên tịch thu tiêu hủy số heroin là mẫu vật còn lại sau giám định;

+ Về án phí: Căn cứ điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. **Bị cáo phải nộp án phí HSST** theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: Người bào chữa thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện VKS về tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa cho rằng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo thuộc hộ nghèo, lại không biết chữ, đề nghị HĐXX **cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS**, xử bị cáo một mức án thấp nhất của khung hình phạt và căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, miễn khoản nộp án phí HSST cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát và Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán và Thư ký trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng tình với ý kiến của người bào chữa và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:* Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định bị cáo tàng trữ **46,481 (Bốn sáu phẩy bốn tám một) gam** heroin. Đã phạm vào điểm b khoản 3 Điều 249 BLHS năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ.

[3]. *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy Heroin và Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng là nguy hiểm cho bản thân bị cáo và toàn xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền về ma túy của Nhà Nước. Ma túy hiện nay đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội và là nguyên nhân phát sinh những loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy của mình là vi phạm pháp luật bị cộng đồng xã hội lên án nhưng vẫn cố thực hiện.

- Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Bị cáo là người sử dụng ma túy, với tính chất nghiêm trọng của tội phạm về ma túy, xét nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nghiện ma túy, kinh tế khó khăn, không có tính thực thi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng trong vụ án:

Số ma túy là mẫu vật còn lại sau trích mẫu giám định là chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành và **chiếc loa đã qua sử dụng, bị cáo dùng cất giấu ma túy cần tịch thu tiêu hủy;**

Chiếc điện thoại di động OPPO màu trắng, loại màn hình cảm ứng (đã bị vỡ màn hình); Con dao dài 30cm, có cán dao và bao dao bằng gỗ là đồ dùng các nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo;

Chiếc xe máy đã qua sử dụng loại SYM Angel II, số khung RLCXA10DL7 D03129, số máy VAA-D031429 màu xanh đen, không gương chiếu hậu, không yếm. Xác định chủ sở hữu hợp pháp là anh Lộc Văn H , trú tại bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa nên trả lại cho anh Hóa.

[6]. Đánh giá về những vấn đề khác:

Lò Thị L là người cho bị cáo ở nhờ nhà mình nhưng không biết, không thấy, bị cáo cũng không nói đã cất giấu ma túy vào trong loa nên không phải chịu trách nhiệm trong vụ án này.

Người đàn ông dân tộc Thái - Lào bị cáo không rõ tên, tuổi, là người đã bán ma túy cho bị cáo là công dân nước CHDCND Lào nên công an huyện Mường Lát không đủ thẩm quyền xác minh, làm rõ.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có tội nên **phải nộp tiền** án phí HSST; bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật: Căn cứ điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm b khoản 3 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tội danh: Tuyên bị cáo Hà Văn L phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về Hình phạt: Xử phạt bị cáo:

+ Hình phạt chính: **11 (Mười một)** năm tù;

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (08/7/2018)

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Căn cứ **khoản 2 điều 106** Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy:

Phong bì đựng toàn bộ số ma túy do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ Hà Văn L , được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ , Lại Thị Thanh L , Nguyễn Văn B và các hình dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa làm giáp lai, phong bì niêm phong còn nguyên vẹn và **chiếc loa có dây đeo đã qua sử dụng;**

Trả lại cho bị cáo: Chiếc điện thoại di động OPPO màu trắng, loại màn hình cảm ứng (đã bị vỡ màn hình); Con dao dài 30cm, có cán dao và bao dao bằng gỗ;

Trả lại cho anh Lộc Văn H . Địa chỉ: Bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa chiếc xe máy đã qua sử dụng, loại SYM Angel II, số khung RLCXA10DL7 D03129, số máy VAA-D031429 màu xanh đen, không gương chiếu hậu, không yếm.

Vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ tại kho tang vật của Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định chuyển vật chứng số: 36/QĐ-VKS-ML ngày 15/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát; biên bản giao nhận vật chứng ngày **16/10/2018** giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Căn cứ điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; **Khoản 1 điều 23** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên: Bị cáo nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí HSST.

Về kháng cáo và kháng nghị: Căn cứ điều 331; điều 333 và điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai, có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo phải thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm, nếu không tự nguyện thì bị cưỡng chế theo điều 9 luật THADS, thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H. Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Tén Tằn
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có QL&NV liên quan;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T

